

Số: 73 /2025/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 29/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Môi trường Quy định phân quyền, phân cấp,

phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 346/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 10 năm 2025 và hồ sơ kèm theo.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2025 và thay thế Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nội nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội hành phố;
- CT, PCT, UV Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Thuế thành phố Đà Nẵng;
- VP Ủy ban nhân dân thành phố;
- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công TTĐT TP, Công báo thành phố;
- Lưu: VT, SNNMT, ĐTTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thái Bình

15/



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 73 /2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố.
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Chương II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 3. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các hoạt động sau đây:

- Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt được thực hiện trên sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá tự nhiên và nhân tạo gồm một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Điều tra, đánh giá đặc trưng hình thái sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá; điều tra, đánh giá số lượng, chất lượng nước mặt;

b) Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước mặt;

c) Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt;

d) Điều tra, xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; điều tra, phân vùng chức năng nguồn nước mặt.

2. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất gồm một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng nước dưới đất theo các tỷ lệ 1:200.000; 1:100.000; 1:50.000; 1:25.000;

b) Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước dưới đất;

c) Điều tra, khoanh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

d) Điều tra, xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

3. Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

4. Điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

5. Trường hợp cần thiết thực hiện đột xuất điều tra, đánh giá tài nguyên nước để phục vụ nhiệm vụ cấp thiết trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 4. Kiểm kê tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước theo đề án, kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành phố và gửi kết quả kiểm kê tài nguyên nước về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

Điều 5. Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của thành phố

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn thành phố và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, gửi báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban

nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt trong Kế hoạch; các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước có tính chất đặc thù thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố; tham mưu tổ chức thẩm định, nghiệm thu và phê duyệt kết quả thực hiện theo quy định.

Chương III

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 7. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã:

1. Tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
2. Tham mưu trình UBND thành phố phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.
3. Tổ chức xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các trường hợp không có tổ chức được giao quản lý, vận hành;
4. Giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, bảo vệ;
5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn;
6. Cập nhật cơ sở dữ liệu về hành lang bảo vệ nguồn nước vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 8. Bảo vệ nguồn nước mặt

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện phương án bảo vệ nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch thành phố

Điều 9. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố:

- a) Kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt;
- b) Xác định và tổ chức việc công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước cho sinh hoạt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

c) Tổ chức quan trắc, công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp theo dõi, giám sát, bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

Điều 10. Bảo vệ nước dưới đất

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải ban hành trong thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 có hiệu lực thi hành và được xem xét, điều chỉnh định kỳ 05 năm hoặc điều chỉnh đột xuất để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ nguồn nước.

2. Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

3. Căn cứ kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện việc khoanh định; công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

4. Định kỳ 5 năm hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức rà soát kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả rà soát và kiến nghị điều chỉnh kế hoạch (nếu cần thiết).

Điều 11. Chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các moong khai thác khoáng sản sau khi dừng khai thác tạo thành hồ

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân cấp thành phố xem xét, quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ nước, cấp nước, tạo cảnh quan khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định của Luật Tài nguyên nước, pháp luật về đầu tư, đất đai, bảo vệ môi

trường, khoáng sản và cập nhật, bổ sung vào danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh và danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

Chương IV

ĐIỀU HÒA, PHÂN PHỐI VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 12. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước

1. Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, căn cứ nguyên tắc, thứ tự ưu tiên được xác định trong quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn để hạn chế phân phối tài nguyên nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước, chưa cấp thiết và ưu tiên hàng đầu cấp cho sinh hoạt, các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Căn cứ kịch bản nguồn nước lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố hằng năm và các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước lập, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sử dụng các nguồn nước mặt, nước dưới đất và các công trình cấp nước dự phòng hiện có trên địa bàn thành phố để chủ động ứng phó với tình trạng thiếu nước bảo đảm nước cấp cho sinh hoạt và các nhu cầu sử dụng nước thiết yếu khác; chỉ đạo huy động mọi nguồn lực để thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng thiếu nước trên địa bàn.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước và điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông nội tỉnh.

Điều 13. Điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn

Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 14. Khai thác tài nguyên nước cho sinh hoạt

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

Điều 15. Khai thác tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi, công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước.

2. Chỉ đạo tổ chức việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, kích bản nguồn nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Luật Tài nguyên nước; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 16. Sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy

1. Hoạt động giao thông thủy không được gây ô nhiễm nguồn nước, cản trở dòng chảy, gây hư hại, sạt lở lòng, bờ, bãi sông, kênh, mương, rạch; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xây dựng, vận hành công trình kết cấu hạ tầng giao thông thủy không được gây ô nhiễm nguồn nước, phù hợp với khả năng đáp ứng yêu cầu mực nước trên sông, suối và yêu cầu về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

Chương V

SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ VÀ PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

Điều 17. Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả tại thành phố Đà Nẵng.

Điều 18. Sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước

Tuỳ theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các

dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các tru, đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật”.

Điều 19. Trách nhiệm quản lý hồ, ao, đầm, phá nằm trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Chỉ đạo, tổ chức xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn thành phố và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia;

2. Chỉ đạo tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư không xả chất thải chưa qua xử lý vào hồ, ao, đầm, phá gây ô nhiễm nguồn nước, không được tự ý san lấp, cải tạo;

3. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác đã bảo đảm các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, khoáng sản tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ, tạo cảnh quan theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Tài nguyên nước.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với hồ, ao, đầm, phá thuộc nguồn nước mặt liên tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Điều 20. Bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Thẩm định, phê duyệt phương án để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ trong báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền quy định tại pháp luật bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ, hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông nội tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, xói lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông nội tỉnh.

2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong việc bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ

a) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (đặc biệt là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước) chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ;

b) Tuyệt đối không thực hiện các hành vi khai thác cát, sỏi trái phép trên sông, hồ;

c) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi trái phép trên sông, hồ thì phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương (nơi có hoạt động khai thác) và Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xử lý (nếu khai thác cát, sỏi trái phép và vi phạm các quy định về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ);

đ) Khi phát hiện có hiện tượng sạt lở lòng bờ, bãi sông, hồ thì phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương (nơi có hiện tượng sạt lở) và Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 21. Trách nhiệm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Chiến lược tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch về tài nguyên nước; lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch thành phố;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xác định các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước;

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố cung cấp thông tin, số liệu để xây dựng kịch bản nguồn nước; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh;

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các tổ chức đoàn thể, các địa phương và cơ quan có liên quan phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; tổ chức giám sát tài nguyên nước theo quy định; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ

tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên địa bàn thành phố;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn;

i) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng, hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước;

k) Chủ trì, tham mưu UBND thành phố trong công tác phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên tổ chức các hoạt động phổ biến, tuyên truyền, truyền thông các quy định của pháp luật về tài nguyên nước;

l) Tổng hợp, cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn thành phố vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

m) Căn cứ kích bản nguồn nước và các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thành phố xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Luật Tài nguyên nước.

n) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì lập báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với công trình cấp nước đô thị và các khu, cụm công nghiệp, gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp, lập Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với công trình cấp nước đô thị và các khu, cụm công nghiệp;

b) Phối hợp nghiên cứu, có ý kiến đối với các dự án có các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho mục đích giao thông đường thủy nội địa, giải trí, du lịch đảm bảo không được gây ô nhiễm nguồn nước.

c) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa (nạo vét cơ bản) thuộc vùng nước đường thủy nội địa phải tuân thủ các quy định về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

3. Sở Y tế

Phối hợp tham gia cho ý kiến đối với các dự án có các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho hoạt động y tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tổ chức xây dựng, thực hiện các chương

trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

5. Sở Tài chính

Tại thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm, căn cứ chủ trương của cấp thẩm quyền, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương và khả năng cân đối ngân sách; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt dự toán làm cơ sở triển khai thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Sở Công Thương:

a) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc phê duyệt theo phân cấp, ủy quyền đối với các Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Chủ trì lập báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với mục đích thủy điện, gửi Bộ Công thương để tổng hợp, lập Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với mục đích thủy điện;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch chuyên ngành công nghiệp, thương mại có khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Quy định này.

7. Công an thành phố

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt quan trọng trên địa bàn thành phố; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; phối hợp, tổ chức lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố, thảm họa liên quan đến nước; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, khu vực xảy ra sự cố, thảm họa liên quan đến nước theo quy định của pháp luật.

8. Thuế thành phố Đà Nẵng

a) Thông báo, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân kê khai, thực hiện việc nộp thuế tài nguyên nước, thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định pháp luật về thuế tài nguyên, các quy định khác có liên quan và quyết định phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

b) Có ý kiến bằng văn bản về việc chấp hành nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước khi Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên phối hợp phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước.

10. Các cơ quan thông tin truyền thông trên địa bàn thành phố:

Tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của thành phố có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

Điều 22. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này;

2. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;

3. Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn;

4. Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp thành phố tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;

5. Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo phân công; tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, theo thẩm quyền;

6. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

7. Thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Quy định này.

Điều 23. Chế độ báo cáo

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên địa bàn quản lý, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo mẫu quy định tại Phụ lục./.



Phụ lục

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

(Kèm theo Quyết định số 13 /2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Kết quả tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước
2. Tình hình thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước
3. Tình hình phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này
4. Tình hình tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra
5. Tình hình thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả
6. Tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước
7. Tình hình tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước
8. Tình hình tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, theo thẩm quyền

Tổng hợp được số lượng tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và thông tin các công trình khai thác nước dưới đất đã được xác nhận trên địa bàn trong năm báo cáo.

Việc tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện theo Bảng sau:

TT	Tên tổ chức/cá nhân đăng ký khai thác nước dưới đất	Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức/cá nhân đăng ký khai thác nước dưới đất	Thông tin về công trình khai thác nước dưới đất						
			Tên công trình/số hiệu giếng	Vị trí giếng (cấp xã/tỉnh)	Chiều sâu giếng (m)	Lượng nước khai thác (m ³ /ngày đêm)	Mục đích khai thác nước (ghi rõ từng mục đích khai thác)	Tầng chứa nước khai thác	Chế độ khai thác nước
I	Công ty A								
			Tên công trình thứ 1						
			Số hiệu giếng ...						
			Số hiệu giếng ...						
II	Công ty B								
			Tên công trình thứ 1						
			Số hiệu giếng ...						
			Số hiệu giếng ...						

9. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

10. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất./.
